

TÌM HIỂU TỔ CHỨC XỨ, HỌ ĐẠO CỦA CÔNG GIÁO Ở MIỀN BẮC TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Quá trình truyền giáo phát triển đạo ở Việt Nam, đi liền với tổ chức sinh hoạt tôn giáo, Công giáo đặc biệt chú trọng đến việc thành lập xứ đạo, đơn vị hạt nhân trong hệ thống tổ chức của Giáo hội. Những thế kỉ XVII, XVIII, do xứ đạo là một vùng rộng lớn, bao gồm một huyện, một vài huyện, thậm chí thời kì đầu là một tỉnh, nên Công giáo thành lập những họ đạo để tiện cho việc quản lí tín đồ và sinh hoạt tôn giáo. Trong điều kiện thiếu linh mục, các thừa sai ngoài việc tuyển chọn người lập Hội Thầy giảng, Kẻ giảng còn đặc biệt chú trọng lập một tổ chức mà thành phần là những giáo dân “khôn ngoan, đức hạnh” để cộng tác với hàng giáo phẩm trong việc thực hiện các lễ nghi cùng một số công việc khác ở xứ, họ đạo.

Qua nguồn thư tịch và tài liệu điền dã, bài viết của chúng tôi bước đầu trình bày về quá trình hình thành xứ, họ đạo, và tổ chức giáo dân ở xứ đạo, họ đạo.

Chúng tôi bắt đầu từ thế kỉ XVII vì tuy giáo sử Công giáo ghi nhận công cuộc truyền giáo ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1533, song trên thực tế, hoạt động truyền giáo chỉ thực sự đạt kết quả vào nửa đầu thế kỉ XVII. Vấn đề nghiên cứu được giới hạn đến đầu thế kỉ XX vì chúng tôi muốn dành thời gian nghiên cứu tiếp theo của vấn đề trong một công trình nghiên cứu khác.

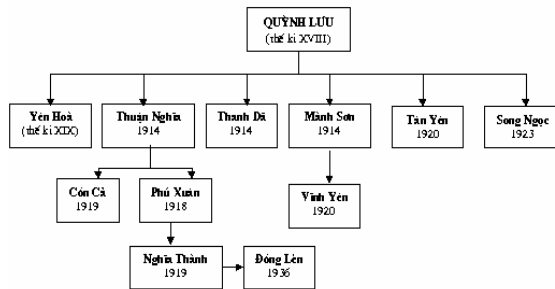
Dựa vào bản chỉ thị năm 1659 của Bộ Truyền giáo, Giám mục Lambert qua hai Công đồng Juthia (1664) và Định Hiến (1670) đã bước đầu phân định ranh giới xứ, họ đạo. Nửa cuối thế kỉ XVII, xứ đạo là một vùng rộng lớn, thường gồm địa bàn tới một tỉnh. Ngày 23 tháng 12 năm 1673, Giáo hoàng Clemente ban sắc chỉ phê chuẩn hầu hết các điều khoản của công đồng Định Hiến. Quy định các xứ đạo và linh mục cai quản xứ ấy: “Nhân vì trong nước này chia ra làm 5 xứ, thì ta chỉ xứ Nghệ An cho thầy cả Matinho coi sóc, nhà xứ đạo địa phận ở làng Can, người sẽ coi sóc bốn đạo tự đấy cho đến xứ Thanh Hóa, bằng Thầy cả Léon Trung, nhà xứ ở làng Kẻ An, người sẽ coi sóc bốn đạo tự làng ấy cho đến giáp Berreac và nước Quảng, Thầy cả Philippê Nhiều sẽ làm phúc xứ Thanh Hóa thượng, nhà xứ ấy ở làng Kẻ Do, Thầy cả Ventô Văn Tuy sẽ coi sóc xứ Thanh Hóa Hạ, nhà xứ ấy ở làng Vân No, Thầy cả Simon Kiên sẽ coi sóc một phần xứ Nam Hạ giáp bên Tây, nhà xứ ở làng Trịnh Xuyên, Thầy cả Juan Văn Học sẽ làm phúc một phần xứ Nam giáp bên đông, nhà xứ ở làng Kiên Lao, xứ Đông, xứ Bắc kiêm các xứ khác, Thầy cả An Tôn sẽ coi nhà xứ ở làng Kẻ Nam. Thầy cả Giacôbê Văn Kim sẽ coi sóc xứ Nam Thượng cùng xứ Đông có ít bốn đạo, nhà xứ ở làng Kẻ Ruồng. Sau hết Thầy cả Ventô Văn Thiện sẽ coi sóc về

VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH XỨ, HỌ ĐẠO Ở MIỀN BẮC

*. TS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

hai nhà thờ Kẻ Chợ, một là nhà Sống lại, hai là nhà Sinh nhật Đức chúa Giêsu⁽¹⁾.

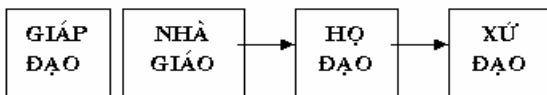
Cùng với quá trình truyền giáo phát triển đạo, những xứ, họ đạo mới ra đời tách từ xứ mẹ. Ví dụ xứ Quỳnh Lưu (Cầm Trường) thuộc hạt Thuận Nghĩa địa phận Vinh ra đời thế kỉ XVIII. Đến thế kỉ XIX có một xứ tách ra là xứ Yên Hòa, nhưng sang thế kỉ XX, có 10 xứ được tách ra cả thảy⁽²⁾ (xem sơ đồ 1).



Mặc dù đã có sự tách ra như vậy nhưng đến đầu thế kỉ XX, nhiều xứ đạo miền Bắc vẫn còn là một vùng rộng lớn với nhiều họ đạo, mỗi họ đạo thuộc về một làng, hoặc một xã, thậm chí hàng chục xã. Ví dụ xứ Báo Đáp (thuộc địa phận Bùi Chu), đầu thế kỉ XX, “xứ này gồm lại 35 họ thuộc về 24 xã”⁽³⁾.

Trong một số công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi đã chỉ ra quá trình hình thành xứ đạo, họ đạo ở miền Bắc trên cơ sở *gián tòng lương giáo* thành lập ra *giáp giáo*. Trong giáp giáo ban đầu lập ra nhà giáo để làm nơi dạy kinh bốn cho tân tòng và dùng làm nơi cầu nguyện, trên cơ sở đó mà họ đạo ra đời.

Một số họ đạo ở gần nhau, sau đó tùy điều kiện có thể lập thành một xứ đạo (xem sơ đồ 2).

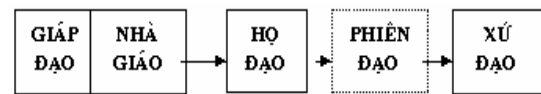


Ở một vài địa phận, như địa phận Phát Diệm (Ninh Bình), trước khi xứ đạo thành lập có bước chuyển tiếp giữa họ đạo lên xứ

đạo với việc thành lập một tổ chức trung gian gọi là phiên đạo⁽⁴⁾ (xin xem sơ đồ 3).



Tại các địa phận thuộc dòng Đa Minh quản lí, thay vì nhà giáo là họ giáo. Cũng như nhà giáo, họ giáo là bước đệm của việc thành lập họ đạo. Đây là nơi dành cho người xin theo đạo tập trung đến tìm hiểu đạo, học kinh bốn, chịu phép bí tích. Khi có một số lượng tín đồ cho phép cùng một số điều kiện khác họ giáo được nâng thành họ đạo⁽⁵⁾ và bước tiếp theo có thể là phiên đạo và xứ đạo (xem sơ đồ 4).



Không phải họ đạo nào cũng được nâng lên thành xứ đạo. Những họ đạo như vậy gọi là họ đạo lẻ. Họ đạo được nâng lên thành xứ có những tên gọi như: họ nhà xứ⁽⁶⁾, họ đầu xứ⁽⁷⁾ hay họ đầu nhất. Đây là cách gọi ở địa phận thuộc dòng Đa Minh, còn ở những địa phận thuộc hội Thừa sai Pari thì gọi là *họ trị sở*.

Họ đạo ở miền Bắc khác hẳn với cách gọi họ đạo ở Nam Bộ. Thường thì ở Nam Bộ gọi xứ đạo là họ đạo. Họ đạo Cái Mơn = xứ đạo Cái Mơn, họ đạo Cầu Kho = xứ đạo Cầu Kho.

1. Những thư chọn trong các thư chung các đấng Vicariô Apostolicô và Vicariô Provinciale về dòng Ông Thánh Du Minhgô đã làm từ năm 1759. Quyển thứ nhất. In tại Kẻ Sặt năm 1903, tr. 3.
2. *Kỷ yếu Năm Thánh Giáo phận Vinh*. Tòa Giám mục Xã Đoài, 1992, tr. 53.
3. *Sử kí địa phận Trung*. In tại Phú Nhai đường 1916, tr. 141.
4. Xem.: Nguyễn Hồng Dương. *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*.
5. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 141.
6. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 130.
7. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 132.

Để phân biệt với *họ giáo*, một tổ chức đang trong quá trình chuyển tiếp thành họ đạo, những họ đạo có từ trước đó ở địa phận thuộc dòng Đa Minh gọi là họ *bổn đạo*, nghĩa là họ đạo gốc.

Trong một số công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi đã trình bày khá kỹ việc gián tòng lương giáo⁽⁸⁾, gom tìn đồ vào cư trú ở một nơi riêng để lập họ đạo, xứ đạo, làng Công giáo biệt lập với cư dân không theo đạo Công giáo. Những họ đạo, xứ đạo, làng nào có toàn bộ cư dân theo đạo Công giáo được gọi là họ đạo, xứ đạo, làng Công giáo *toàn tòng*.

Họ đạo nào giáo dân và lương dân ở xen kẽ được gọi là họ *đất xôi đỗ* hay *họ xôi đỗ*. Tương tự như vậy có *làng xôi đỗ* hay còn gọi là *làng gián tòng* để phân biệt với *làng toàn tòng*.

Về tên gọi: Tên gọi của họ đạo khi nâng lên thành xứ đạo được lấy làm tên gọi của xứ đạo. Thánh quan thầy của họ đạo này đồng thời cũng là thánh quan thầy của xứ. Họ đạo trị sở không có nhà thờ họ riêng, nhà thờ họ cũng có nghĩa là nhà thờ xứ. *Sử kí địa phận Trung* cho biết: “Mỗi xứ gồm lại nhiều họ, mà họ nào cũng có nhà thờ riêng. Bằng về tên các xứ, thì xứ nào cũng lấy tên bởi họ đầu nhất, là nơi các thầy cả thường ở”⁽⁹⁾.

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, một số họ đạo lớn được chia thành những đơn vị nhỏ gọi là *dâu đạo* (cũng có nơi viết là *giâu*). Dâu là tập hợp một số lượng tìn đồ nhất định cư trú trong một vài ngõ (hoặc một vài giong đất), cũng có khi là một xóm.

Một hình thức tổ chức khác trong các xứ, họ đạo là *khu đạo*. Do xứ đạo là một vùng rộng lớn với hàng chục họ đạo nên các thừa sai dòng Đa Minh tập hợp một vài họ đạo ở gần nhau thuộc một xứ đạo thành lập khu đạo để tiện cho việc coi sóc tìn đồ.

Sử kí địa phận Trung viết: “Xứ nào to rộng lắm, thì thường được chia làm hai ba khu, mà mỗi khu thường có một thầy cả ở cho được dễ coi sóc”⁽¹⁰⁾.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có những hình thức tổ chức xứ, họ đạo ở miền Bắc như sau: Một xứ đạo gồm nhiều họ đạo, mỗi họ đạo được chia thành một số dâu (giâu) đạo.

Tương đương với dâu đạo là xóm đạo.

Tương đương với họ đạo là giáp đạo, nhà giáo (hay họ giáo).

Tương đương với xứ đạo là phiên đạo.

Trên đây chỉ là nét khái quát về cấu trúc một xứ đạo, họ đạo.

Tổ chức họ đạo, dâu, giáp... là hình thức tổ chức phi quan phương, một cách thức tổ chức sáng tạo của các thừa sai ngoại quốc ở Việt Nam. Nó được thành lập dựa trên tổ chức làng xã truyền thống Việt Nam. Vì là hình thức tổ chức phi quan phương nên có thể ở địa phận do dòng Đa Minh quản lí có những hình thức tổ chức khác với địa phận thuộc Hội Thừa sai Pari quản lí. Và ngay trong Hội Thừa sai Pari quản lí hình thức tổ chức ở các vùng cũng có sự khác nhau. Vì vậy, hình thức tổ chức có thể thấy ở vùng này lại không thấy ở vùng kia.

TÊN GỌI, VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC GIÁO DÂN TRONG XỨ, HỌ ĐẠO CÔNG GIÁO Ở MIỀN BẮC

Tên gọi, vai trò của tổ chức giáo dân trong họ đạo

Trùm trưởng họ đạo là chức vụ có sớm nhất. *Sử kí địa phận Trung* viết: “Đến năm 1669, Đức thầy Lamberto ra Đàng Ngoài thăm con chiên, thì Người lại nhờ dịp ấy

8. Có thể xem Nguyễn Hồng Dương. *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997.

9. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 175.

10. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 179.

mà truyền chức thầy cả cho bảy thầy bản quốc nữa. Lại ngày 14 tháng Februariô (tháng 2) năm ấy, Người cũng hội các thầy cả Tây Nam về Đàng Ngoài với Đấng Provicariô, và mở công đồng, đề ra luật pháp trong địa phận, như việc coi sóc các xứ, việc chọn thầy kẻ giảng, nhà mụ vân vân⁽¹¹⁾.

Về tên gọi tổ chức giáo dân trong họ đạo và tên gọi các chức vụ trong tổ chức này có sự khác nhau giữa các địa phận thuộc dòng Đa Minh với các địa phận thuộc Hội Thừa sai Pari và địa phận Vinh, tuy cũng thuộc sự cai quản của Hội Thừa sai Pari.

Đối với các họ đạo thuộc dòng Đa Minh, *Sử kí địa phận Trung* cho biết: “Mỗi một họ cũng có họ riêng về hội ấy, có hai ông quen gọi là chánh, phó trùm đứng đầu, lại có ông thư kí và ít nhiều việc khác y như trong hội chung bản xứ vậy. Mỗi một họ lại cất một vài người đàn anh có lòng ngoan đạo sốt sắng làm trợ mạnh để coi kẻ liệt về phân linh hồn, ấy là để giúp kẻ liệt năng dọn mình ăn mà các phép Sacramentô cho phải phép, cùng lo liệu rước đáng thầy cả đến làm các phép Sacramentô cho kẻ ấy và khi có kẻ liệt ào mong sinh thì, mà chẳng có đáng thầy cả ở đấy, thì kẻ coi sóc phải giúp cùng đọc kinh phó linh hồn cho nó.

Lại trong mỗi một họ thì vốn quen chọn lấy một ông và một bà có phân tỉnh táo kinh sách, và có lòng sốt sắng ngoan đạo, mà đặt là ông trương bà trương để coi sóc các kẻ trong họ, và dạy kinh, cùng đưa chúng nó đến nhà thờ đọc kinh chung tối sớm, và coi sóc chúng nó khi đi, khi về, cùng khi ở nhà thờ cho có phép tắc nghiêm trang. Lại nếu họ nào có đông trẻ lắm, thì chẳng những đặt một ông trương, một bà trương mà thôi, mà lại cũng nhiều hơn⁽¹²⁾. Ngày nay chức trùm, chức trương vẫn thấy duy trì ở các địa phận vốn thuộc dòng Đa Minh cai quản, mà địa phận Hải Phòng là một ví dụ⁽¹³⁾. Các họ đạo thuộc các địa phận do hội Thừa sai Pari cai quản, đứng

đầu họ đạo cũng là trùm trưởng, giúp việc cho trùm trưởng là trùm phó như ở các họ đạo thuộc dòng Đa Minh, nhưng công việc dạy kinh bổn cho trẻ lại thuộc về những người có chức vụ quản giáo. Thư chung của Giám mục Phêrô Maria Đông, Giám mục địa phận Tây Đàng Ngoài gửi bổn đạo địa phận viết: “Cũng phải khuyên giục quản giáo dạy dỗ trẻ con quanh năm, nhất là trong mùa chay, trong tháng Rôsiariô và trong hai tuần trước khi làm phúc lượt để cho mình dễ làm phúc cho nó hơn. Mà chẳng những là quản giáo phải chăm chút dạy dỗ trẻ con, lại phải nhận việc đưa chúng nó đi xem lễ ngày lễ cả, lễ lạy, khi thầy cả làm lễ ở họ gân, và coi sóc cho nó giữ phép tắc đang khi xem lễ nữa⁽¹⁴⁾. Về chức thư kí, ở các họ đạo thuộc các địa phận Hội Thừa sai Pari cai quản quen gọi là thủ dịch giữ việc sổ sách, thu chi.

Trên đây là các chức vụ trong tổ chức họ đạo. Theo chúng tôi, có thể là mãi đến đầu thế kỉ XX, tổ chức này ở các họ đạo thuộc dòng Đa Minh và Hội Thừa sai Pari (trừ địa phận Vinh) mới có tên gọi là *Ban Hành giáo họ đạo*. Trước đó ở địa phận thuộc dòng Đa Minh quản lí, các chức vụ trong tổ chức xứ, họ đạo được gọi là Ban (hội) hàng phủ, hoặc Ban (hội) hàng xứ.

Địa phận Vinh (Nghệ An) vốn thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài, đặt dưới sự cai quản của Hội Thừa sai Pari. Ngày 27-3-1846, Vinh được tách ra thành một địa phận riêng do sắc lệnh của Tòa Thánh kí. Tuy tách ra thành một địa phận riêng nhưng nó vẫn đặt dưới sự cai quản của Hội Thừa sai Pari. Song, về tên gọi các chức

11. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 15.

12. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 211.

13. Cuốn *Lễ luật họ đạo, Địa phận Hải Phòng* xuất bản 1992 (Bản vi tính), tr. 12 viết: “Ban hành giáo xứ, họ do giáo dân bầu ra, thành phần gồm có: 01 ông trùm cả; 01 ông trùm hai (nếu xứ, họ nhiều giáo dân có thể bầu ra ông trùm hai); 01 ông trưởng họ; 01 bà trương; 01 ông trương.

14. Những thư chọn trong các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài. In tại *Kể Sớ*, 1906, tr. 208.

vụ trong tổ chức xứ, họ đạo lại khác với các địa phận khác cùng đặt dưới sự cai quản của Hội Thừa sai Pari.

Các chức vụ trong họ đạo có: Trùm - người đứng đầu; Cầu là chức giúp việc cho trùm. Nếu họ đạo lớn có thể có cầu nhất, cầu nhì và biện, hay còn gọi là biện việc. Có thể có biện nhất, biện nhì. Giáo biện là người dạy trẻ học kinh bốn, đưa trẻ đến nhà thờ cho trật tự giống như công việc của ông trưởng, bà trưởng ở các họ đạo thuộc dòng Đa Minh và quản giáo thuộc Hội Thừa sai Pari. Những chức vụ trên đây tập hợp trong một tổ chức gọi là *Ban chức việc họ đạo*.

Do điều kiện xứ rộng, linh mục ít, nhiều họ lẻ ở xa họ nhà xứ nên *vai trò của tổ chức họ đạo là rất lớn*. Những người trong tổ chức này có thể thay linh mục thực hiện một số công việc phụng tự, đọc kinh sách trong nhà thờ họ, dạy kinh bốn, giữ gìn trật tự, lo lễ, phép cho kẻ liệt, giữ gìn sổ sách thu chi... Đây là một hình thức tự quản hoạt động rất có hiệu quả ở một vùng truyền giáo có tính đặc thù như nước ta. Tuy linh mục có khi là hàng tháng hoặc hàng năm mới có mặt ở họ đạo, nhưng nhờ có tổ chức họ đạo mà sinh hoạt tôn giáo vẫn được duy trì.

Vào cuối thế kỉ XIX, để tiện cho việc quản lí, những họ đạo có đông tín đồ đã chia nhỏ thành các dâu (hoặc khu). Đứng đầu dâu (hoặc khu) là trùm dâu (hoặc khu), có thể có trùm phó và ông trưởng, bà trưởng dạy kinh bốn cho trẻ nhỏ trong dâu, có thể có thư kí dâu (hoặc khu).

Tên gọi, vai trò của tổ chức giáo dân trong xứ đạo.

Cuốn *Sử kí địa phận Trung* viết: “Trong các xứ hay là trong hầu hết các xứ, về cả địa phận thường có một hội chung quen gọi là *Hàng Phủ* hay *Hàng Xứ*, tùy từng nơi, có những người hoà mục về các bản xứ vào trong những hội chung ấy. Vậy việc chung ấy là thu xếp các việc chung trong cả bản xứ, hoặc là việc đòi, hoặc là việc đạo, như khi làm lễ nào trọng thể, hay là việc gì

khác, có cả bản xứ phải thông công. Thường các hội chung này có một người là chánh trương và một trong hai người làm phó trương, lại có một người khác quen gọi là thư kí giữ sổ thu tiêu: mà đừng kể hai ông chánh phó trương và ông thư kí, thì lại có ít nhiều ông khác có chức nọ, chức kia trong hội chung ấy mặc đòi việc đã giao cho các ông ấy, và khi hội đồng bàn soạn hay là làm việc chung gì bản xứ thì phải cứ thứ tự trên dưới tùy chức tùy bậc ai nấy”⁽¹⁵⁾.

Ở các xứ đạo trong các địa phận thuộc Hội Thừa sai Pari, các chức vụ trong xứ đạo giống như địa phận thuộc dòng Đa Minh. Chỉ có điểm khác là tên gọi. Thay vì gọi *hội Hàng Phủ* (hay *hội Hàng Xứ*) được gọi là *Ban Hành giáo xứ*. Riêng địa phận Vinh có các chức vụ trong xứ đạo gồm: Trùm trưởng - người đứng đầu xứ; Trùm phó - người giúp việc cho trùm trưởng; Thư kí - người trông coi việc sổ sách, thu chi. Tất cả họ được tập hợp trong một tổ chức với tên gọi: *Ban chức việc xứ* hay còn gọi là *Ban Cầu trùm*⁽¹⁶⁾.

Những địa phận có phiên đạo (tổ chức trung gian giữa họ đạo với xứ đạo), các chức vụ của phiên đạo giống như các chức vụ của họ đạo gồm trùm phiên, trùm phó, quản giáo, thủ dịch. Ngoài chức trùm phiên theo nghĩa là người đứng đầu phiên đạo, trong các xứ, họ đạo thời kì này còn có chức trùm phiên, hay còn gọi là trùm Santi - đó là những người được xứ, họ đạo cử ra để đến kì hạn (phiên) thì giúp vào công việc châu Minh Thánh (Thánh thể) của xứ, họ đạo.

Xứ đạo Hà Hồi (xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) năm 1902, khi tách xứ, do họ trị sở lớn nên giáo dân đã chia làm ba phiên để thay nhau trợ giúp linh mục cử hành phụng vụ. Các phiên ở

15. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 210.

16. Tên gọi Ban Hành giáo xứ, Ban Chức việc xứ hay Ban Cầu trùm được ghi nhận bởi tài liệu điền dã, hiện chúng tôi chưa tìm ra văn bản ghi chép đương thời.

đây được xem như là khu đạo, đầu đạo hay xóm đạo với các chức vụ trùm đầu, quản giáo, thư kí. Vì vậy trùm phiên ở đây lại khác với trùm phiên đạo và trùm phiên Santi.

Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi lập bảng so sánh sau:

vào công việc quản lí làng xã như chia ruộng đất công, đấu giá ao đầm, chợ búa, sửa đường xá... Đó là sự gắn kết giữa đời với đạo, một thành công của Công giáo bấy giờ.

Có thể nói làng xã truyền thống Việt Nam đã có ảnh hưởng rất lớn đến mô hình

	CÁC ĐỊA PHẬN THUỘC ĐỒNG ĐÀ MINH	CÁC ĐỊA PHẬN THUỘC HỘI THỪA SAI PARI (TRỪ ĐỊA PHẬN VINH)	ĐỊA PHẬN VINH
Các chức vụ trong xứ đạo	Chánh trưởng Phó trưởng Thư kí	Chánh trưởng Phó trưởng Thủ dịch	Trùm trưởng Cầu Thư kí
Tên gọi	Ban (hội) Hàng phủ (Ban (hội) Hàng xứ)	Ban Hành giáo xứ	Ban Chức việc xứ (Ban Cầu - Trùm)
Các chức vụ trong họ đạo	Trùm trưởng Trùm phó Ông trưởng Bà trưởng Thư kí	Trùm trưởng Trùm phó Quản giáo Thủ dịch	Cầu trùm Giáo biện Biện việc
Tên gọi	Ban Hành giáo họ	Ban Hành giáo họ	Ban Chức việc họ
Các chức vụ trong Đầu đạo (khu - xóm)	Trùm (thủ) Thư kí	Trùm Thư kí	

Những chức vụ trong xứ đạo, họ đạo được cộng đồng tín đồ xem là *chức sắc của xứ, họ đạo*. Ngoài những nghĩa vụ như đã đề cập ở trên, các chức sắc còn có những quyền lợi như: được giáo dân kính trọng; khi họ qua đời có thể nhận được sự phúng viếng trang trọng của linh mục và giáo dân; không phải tham gia phục dịch khi xứ, họ đạo có việc. Vào thời bấy giờ, hầu hết giáo dân ở các xứ, họ đạo khi tham gia dự thánh lễ phải ngồi, quỳ dưới đất, chỉ có các chức sắc mới ngồi trên bục, trải chiếu hoa.

Tục “mua nhiều bán xã” của làng Việt truyền thống đã ảnh hưởng đến xứ, họ đạo với việc “mua trùm, bán trưởng”. Ở địa phận Vinh (Nghệ An) gọi là “mua Trưởng mua kí”⁽¹⁷⁾. Giá cả mua, bán tùy theo nhu cầu kinh phí mà xứ, họ đạo cần⁽¹⁸⁾.

Về vị trí làng xã (vị trí xã hội), các chức sắc của xứ, họ đạo được xếp vào hàng quan viên của làng Công giáo. Họ được tham gia

tổ chức, vai trò, chức năng của tổ chức xứ, họ, đầu, giáp đạo Công giáo ở Việt Nam. Và đó là nét đặc thù của tổ chức giáo hội cơ sở của Công giáo ở Việt Nam.

* * *

Ở xứ, họ đạo Công giáo còn có một vài người phục vụ trong nhà thờ, nhà xứ, giúp việc linh mục được gọi là *bổ, sãi*. *Bổ* còn gọi là *bổ ngài* vì trong các tài liệu đương thời, *bổ ngài* thường được viết liền nhau⁽¹⁹⁾. *Bổ* là nam giới, thường là những người già cả, thân cô, thế cô, có lòng mộ đạo và sự

17. Tài liệu điền dã ở xứ Bảo Nham, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

18. Ngày nay còn duy trì ở một số nơi nhưng được gọi là *mua ân nhân*.

19. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, đánh giá công lao giám mục Định, thống kê số lượng giáo sĩ, tu sĩ... cho biết đến năm 1907 địa phận có 301 *bổ ngài*. *Bổ ngài* được viết thành một cụm mà không có dấu phẩy ở giữa hai từ.

tận tâm trong công việc phục vụ. Bô là người lo giặt giũ, nấu nướng cơm nước cho linh mục. Sãi, (có nơi gọi là ông từ) là người lo đóng mở cửa nhà thờ, đặc biệt là kéo (hoặc đánh) chuông hàng ngày ở nhà thờ.

Tìm hiểu tổ chức xứ, họ đạo không thể không nhắc đến các hội đoàn Công giáo.

Hội đoàn là hình thức tổ chức tập hợp tín đồ của Công giáo ở các xứ, họ đạo. Nguồn gốc ra đời, hình thức tổ chức của hội đoàn Công giáo ở Việt Nam rất phức tạp và đa dạng. Cũng như việc ra đời của tổ chức xứ, họ đạo, việc ra đời hội đoàn Công giáo có tính lịch sử, phụ thuộc vào sự phát triển của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam, đồng thời phụ thuộc vào những sự kiện lịch sử dân tộc Việt Nam. Thời kì đầu hội đoàn được gọi là họ hay họ thánh để phân biệt với những phường, họ xã hội, cũng có thể là để phân biệt với họ tộc (chẳng hạn như họ Nguyễn, họ Trần).

Họ (hội đoàn) nào xuất hiện sớm nhất? Tài liệu thu thập của chúng tôi cho thấy, hội xuất hiện sớm nhất là hội Rôsarìô⁽²⁰⁾. Theo lời của cha chính Thập (Juan de Sta Cruz) trong thư trình bề trên dòng Đa Minh ở Manila (Philippin), ngày 9 tháng 12 năm 1706 thì vào thời điểm 1678 ông đã lập được họ Rôsarìô trong nhiều làng và ở kinh đô, gọi là Kẻ Chợ⁽²¹⁾. Giáo dân, đặc biệt là những người trong họ Rôsarìô, rất kính chuộng kinh lần hạt Rôsarìô. Theo Thừa sai Thập kể lại: ngày nào anh em nhà và bốn đạo cũng hội nhau ở nhà thờ mà đọc chung đủ một tràng trăm rưỡi, cùng nguyện ngắm đủ nửa giờ. Ông đã dạy cho giáo dân đọc kinh, lần hạt chung, chia ra làm hai bè để đọc, dịch ra tiếng Việt 15 ngắm Rôsarìô. Thừa sai Thập “dọn” ba quyển sách về phép lần hạt Rôsarìô, kể ra nhiều tích và các phép Indu họ Rôsarìô, đặt tên là sách *Vườn Hoa*. Theo một thư chung gửi

bốn đạo thuộc dòng Đa Minh, năm 1798 đã có thể thức về việc lập họ Rôsarìô.

Như vậy, các thừa sai thuộc dòng Đa Minh là người đi đầu trong việc lập hội đoàn Công giáo. Một trong những hội đoàn được lập sớm nhất ở địa phận mà các thừa sai này cai quản là họ Rôsarìô. Từ địa phận Đông Đàng Ngoài, họ Rôsarìô phát triển sang địa phận Tây Đàng Ngoài. Trong một thư chung gửi bốn đạo đề ngày 24 tháng 8 năm 1899, Giám mục Phêrô Maria Đông (Gendreau), Giám mục địa phận Tây Đàng Ngoài, cho biết: “Bởi vì họ Rôsarìô đầu hết là dòng ông Thánh Duminhgo đã lập, thì cha định rằng: từ rày về sau chỉ có bề trên chung dòng ấy sẽ được phép lập họ ấy trước khi ra luật này, thì phải xin người ban bằng cấp nhận lại trước tháng October (tháng 10) năm 1899 mới được ăn mầy các ơn sâu rộng và các Indu Tòa thánh đã ban cho họ Rôsarìô xưa nay”⁽²²⁾. Thư chung quy định cụ thể cách lập họ, cách đọc kinh cầu nguyện, lần hạt, cách đi kiệu.

Ở địa phận Tây Đàng Ngoài, hội đoàn thành lập sớm hơn cả có lẽ là hội (họ) *Áo Đức Bà núi Carmêlô*, thời gian khoảng giữa thế kỉ XIX. Tiếp theo là hội (họ) *Lái tim Đức Chúa Giêsu* được thành lập do thư chung của Giám mục Bảo Lộc Phước (Puginier) ban hành ngày 19 tháng 3 năm 1873. Thư chung đề tháng 9 năm 1898 xác nhận: “Trong địa phận này có ba họ thánh bề trên đã lập là họ Áo Đức Bà, họ Lái tim Đức Chúa Giêsu, họ Rôsarìô Đức Bà”⁽²³⁾.

(Xem tiếp trang 8)

20. Rôsarìô được dịch ra âm Hán - Việt là Mãn Côi, Mối Khôi, Mai Khôi, nghĩa là Hoa Hồng. Một trong những tước hiệu của Đức Maria được Công giáo tôn là Đức Mẹ Mãn Côi.

21. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 18.

22. Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài. In tại Kẻ Sở, 1908, tr. 83.

23. Sách thuật lại các thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài. In tại Kẻ Sở, 1908, tr. 119.